

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa - Miliket (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Triết	Chủ tịch (Đến ngày 05/12/2014)
Ông Trần Bảy	Chủ tịch (Từ ngày 05/12/2014)
Bà Lưu Thị Tuyết Mai	Phó Chủ tịch
Ông Phan Thanh Dũng	Thành viên
Ông Trịnh Việt Dũng	Thành viên
Ông Trịnh Trung Hiếu	Thành viên (Từ ngày 05/12/2014)

Ban Giám đốc

Ông Võ Văn Út	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ngô Ngọc Vinh	Phó Tổng Giám đốc

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014, phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc, *WVO*



Võ Văn Út

Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2015

Số: 28/2015/BCTC-VA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa - Miliket**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa - Miliket (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 10/03/2015, từ trang 04 đến trang 24, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa - Miliket tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Trần Quốc Trị
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0581-2013-055-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VIỆT ANH
Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2015

Trần Ngọc Anh
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0487-2013-055-1

(Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MẪU B01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		140.352.886.175	159.580.960.622
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.	90.513.781.668	83.101.944.762
1. Tiền	111		52.716.515.168	41.773.437.447
2. Các khoản tương đương tiền	112		37.797.266.500	41.328.507.315
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	13.840.240.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	13.840.240.000
III- Các khoản phải thu	130		25.131.399.900	33.359.338.170
1. Phải thu của khách hàng	131		23.281.058.186	28.452.800.786
2. Trả trước cho người bán	132		621.925.000	2.271.961.109
5. Các khoản phải thu khác	135	6.	1.270.934.519	2.879.883.680
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(42.517.805)	(245.307.405)
IV- Hàng tồn kho	140	7.	24.350.984.287	28.931.751.440
1. Hàng tồn kho	141		24.461.363.511	29.076.194.292
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(110.379.224)	(144.442.852)
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		356.720.320	347.686.250
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	8.	356.720.320	347.686.250
B- TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		29.814.471.641	22.904.285.240
II- Tài sản cố định	220		29.771.217.786	22.865.557.583
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9.	29.529.716.719	22.248.302.128
- Nguyên giá	222		87.273.825.376	77.648.158.141
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(57.744.108.657)	(55.399.856.013)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10.	241.501.067	617.255.455
V- Tài sản dài hạn khác	260		43.253.855	38.727.657
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		43.253.855	38.727.657
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		170.167.357.816	182.485.245.862

(Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MẪU B01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		58.919.394.883	70.333.261.291
I- Nợ ngắn hạn	310		58.919.394.883	70.333.261.291
2. Phải trả cho người bán	312		24.154.666.311	28.705.187.037
3. Người mua trả tiền trước	313		680.990.021	136.810.849
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11.	3.227.838.575	10.809.604.522
5. Phải trả người lao động	315		16.398.151.629	16.529.256.479
6. Chi phí phải trả	316	12.	7.044.556.930	8.486.842.590
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	13.	874.008.188	611.280.141
11. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		6.539.183.229	5.054.279.673
B- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		111.247.962.933	112.151.984.571
I- Nguồn vốn, quỹ	410	14.	111.247.962.933	112.151.984.571
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		48.000.000.000	48.000.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		29.749.684.769	17.264.382.756
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		6.392.245.413	16.309.599.105
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		4.800.000.000	4.464.392.892
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		22.306.032.751	26.113.609.818
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		170.167.357.816	182.485.245.862

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
4. Nợ khó đòi đã xử lý			1.266.830.734	1.266.830.734
5. Ngoại tệ các loại USD			1.284.272,15	541.673,48

Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng




Nguyễn Thị Minh Nguyệt

Nguyễn Thị Mai Hương



Võ Văn Út

(Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MẪU B02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	15.	487.578.608.780	556.627.593.925
2. Các khoản giảm trừ	02	15.	702.138.430	1.051.956.423
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	15.	486.876.470.350	555.575.637.502
4. Giá vốn hàng bán	11	16.	359.243.192.256	404.044.687.604
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		127.633.278.094	151.530.949.898
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17.	3.489.376.747	4.400.548.746
7. Chi phí tài chính	22		11.330.105	28.208.584
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		87.788.027.002	97.938.924.427
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		16.669.618.058	14.853.019.372
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		26.653.679.676	43.111.346.261
11. Thu nhập khác	31	18.	1.363.355.819	1.875.849.085
12. Chi phí khác	32	18.	1.744.396.292	1.521.320.175
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	18.	(381.040.473)	354.528.910
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		26.272.639.203	43.465.875.171
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	19.	5.544.738.360	17.677.779.776
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	55.333.724
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		20.727.900.843	25.732.761.671
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	20.	4.318	5.361

Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu

Kê toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Minh Nguyệt



Nguyễn Thị Mai Hương



Võ Văn Út

(Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MẪU B03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		26.272.639.203	43.465.875.171
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		4.664.146.827	4.633.417.509
- Các khoản dự phòng	03		(236.853.228)	312.577.370
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(275.209.622)	(53.278.464)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.067.836.284)	(4.541.448.761)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		27.356.886.896	43.817.142.825
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		8.469.303.800	13.503.199.056
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		4.614.830.781	(6.769.419.755)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(6.308.687.646)	930.791.917
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(4.526.198)	60.019.521
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(12.447.779.776)	(11.262.095.563)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		29.190.000	418.495.510
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(2.896.208.925)	(4.457.766.009)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		18.813.008.932	36.240.367.502
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn	21		(12.097.157.625)	(4.329.282.460)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22		449.545.454	601.909.091
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24		13.840.240.000	16.159.760.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.158.031.425	4.246.310.928
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		5.350.659.254	16.678.697.559
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(17.027.040.902)	(17.125.860.234)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(17.027.040.902)	(17.125.860.234)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		7.136.627.284	35.793.204.827
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		83.101.944.762	47.260.577.651
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		275.209.622	48.162.284
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	5.	90.513.781.668	83.101.944.762

Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc







Nguyễn Thị Minh Nguyệt

Nguyễn Thị Mai Hương

Võ Văn Út